TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Linh;

2. Ông Phạm Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: không.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Lê Chí H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 15, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị L có mặt, anh Lê Chí H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Vào năm 2014, chị L và anh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị L và anh H đi làm và sinh sống chủ yếu ở Bình Dương. Chị L và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm, đến khoảng tháng 9/2019, chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tình cảm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống

xa nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh H có 01 (một) con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 29/11/2015, cháu D đang sống chung với chị L.

Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Chí H trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như chị L trình bày. Sau lễ cưới, anh H và chị L đi làm và sinh sống chủ yếu ở Bình Dương. Anh H và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm, đến khoảng tháng 9/2019, anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tình cảm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hòa hợp, tình cảm không thể hàn gắn nên anh H đồng ý ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H và chị L có 01 (một) con chung tên: Trần Thùy D, sinh ngày 29/11/2015.

Anh H đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; không hòa giải về tình cảm do chị L và anh H không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 19/02/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc chị L và anh H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Chí H. Anh H có nơi cư trú: Tổ 15, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Chí H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

- Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2014, chị Trần Thị L và anh Lê Chí H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới. Sau lễ cưới, chị L và anh H đi làm và sinh sống chủ yếu ở Bình Dương. Anh H và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm, đến khoảng tháng 9/2019, anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tình cảm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Anh H và chị L không đăng ký kết hôn. Tình cảm giữa anh H và chị L không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 19/02/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc chị L và anh H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị L và anh H chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Trần Thị L và anh Lê Chí H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn, biên bản hòa giải về con chung chị L và anh H đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên: Trần Thùy D, sinh ngày 29/11/2015. Anh H đồng ý giao con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dạy là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Trần Thị L được nuôi dạy con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 29/11/2015 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Chí H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, chị L và anh H đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Lê Chí H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Thị L được nuôi dạy cháu Trần Thùy D, sinh ngày 29/11/2015 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Chí H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị L phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0002496 ngày 11 tháng 02

năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Chí H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Lê Chí H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết